

THÔNG BÁO

Ý kiến chỉ đạo và kết luận của Phó Tổng cục trưởng La Đức Dũng tại cuộc họp về công tác xây dựng Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 14/3/2022 tại trụ sở Tổng cục Khí tượng Thủy văn (KTTV), Phó Tổng cục trưởng La Đức Dũng đã chủ trì cuộc họp về định hướng quy hoạch (QH) mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng Lê Công Thành và Tổng cục trưởng Trần Hồng Thái. Thành phần tham dự cuộc họp có: Vụ Quản lý mạng lưới KTTV, Vụ Quản lý dự báo KTTV, Trung tâm Quan trắc KTTV, Trung tâm Dự báo KTTV, Ban Quản lý các dự án KTTV. Sau khi nghe các ý kiến phát biểu và thảo luận về một số nội dung: (1) Tầm nhìn QH mạng lưới trạm KTTV giai đoạn 2050; (2) Phân loại trạm KTTV; (3) Chỉ tiêu mật độ trạm KTTV; (4) Nguyên tắc lồng ghép các trạm quan trắc tài nguyên và môi trường (TNMT) với trạm KTTV; (5) Nguyên tắc kế thừa Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt QH mạng lưới quan trắc TNMT quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là QH 90); (6) Phương án nhân sự qua các thời kỳ QH, Phó Tổng cục trưởng La Đức Dũng chỉ đạo và kết luận như sau:

1. Về Tầm nhìn QH mạng lưới trạm KTTV quốc gia đến năm 2050

Đến năm 2050 mạng lưới trạm KTTV quốc gia cần bảo đảm:

- Có hệ thống công nghệ thiết bị quan trắc, truyền tin, lưu trữ thông tin; tích hợp, xử lý thông tin theo mô hình tập trung, hiện đại tương đồng với trình độ và xu thế phát triển khoa học công nghệ KTTV của các nước phát triển trên thế giới; đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phục vụ công tác dự báo, cảnh báo, phục vụ hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh đặt ra trong giai đoạn 2050.

- Có mô hình mạng lưới trạm tự động 100% gắn với phương thức quản lý hiệu quả theo hướng giảm thiểu nhân lực, tiết kiệm chi phí, hiện đang được các nước phát triển trên thế giới áp dụng.

- Có mật độ các loại trạm hợp lý, ngang bằng với các nước phát triển trên thế giới, đảm bảo lồng ghép 2 chiều hiệu quả với các mạng lưới quan trắc TNMT khác, trong đó mạng lưới quan trắc KTTV giữ vai trò nòng cốt.

Để chuyển tiếp sang mạng lưới quan trắc KTTV quốc gia tự động hoàn toàn (dự kiến đến năm 2050), trong thập niên 40 của thế kỷ 21, mạng lưới trạm KTTV quốc gia sẽ tổ chức mô hình mạng lưới trạm (có người/tự động) tối ưu,

theo hướng tối thiểu hóa trạm có người và tối đa hóa các trạm tự động; lấy trạm có người làm trung tâm để: kiểm soát, đánh giá số liệu quan trắc của hệ thống trạm tự động; quản lý, vận hành, duy trì hoạt động đối với hệ thống trạm tự động trong khu vực và thực hiện một số chức năng khác của ngành KTTV tại địa phương...

Với định hướng trên, quá trình lập QH cần nghiên cứu mô hình mạng lưới trạm KTTV của các nước tiên tiến trên thế giới như Nhật Bản, Phần Lan và một số nước khác để vận dụng cho việc lập QH thời kỳ này (tại Nhật Bản hiện nay chỉ có khoảng 68 trạm khí tượng có người và 1.209 trạm khí tượng tự động. Tại Phần Lan, trên mạng lưới trạm khí tượng hầu như không còn trạm có người, việc bảo trì, bảo dưỡng trạm do các Trung tâm vùng đảm nhiệm).

2. Về định hướng phân loại trạm KTTV

2.1. Phân loại trạm theo đối tượng quan trắc

Việc phân loại trạm KTTV theo đối tượng quan trắc, QH cơ bản tuân thủ theo quy định tại khoản 17, Điều 3, Luật KTTV gồm các loại trạm: khí tượng bề mặt, khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, thủy văn, hải văn, đo mưa, định vị sét và các loại trạm chuyên đề khác. Đối với các trạm khí tượng nông nghiệp (KTNN), không tiến hành thành lập và phân loại trạm riêng mà thực hiện lồng ghép các yếu tố quan trắc KTNN trong các trạm khí tượng bề mặt theo điều kiện tình hình thực tế nhu cầu của các địa phương, vùng, miền và hướng tới xã hội hóa trong việc quan trắc KTNN.

2.2. Phân loại trạm theo hình thức quản lý và định hướng tự động hóa mạng lưới quan trắc KTTV quốc gia

Giai đoạn trước năm 2050 thực hiện phân loại trạm KTTV theo hình thức quản lý đối với các loại trạm khí tượng bề mặt, thủy văn, hải văn theo đúng tinh thần Quyết định số 433/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập QH mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các loại trạm còn lại giữ nguyên hình thức phân loại theo đối tượng quan trắc theo Luật KTTV (không phân loại theo hình thức quản lý).

Tiêu chí phân loại trạm Cơ bản và trạm Phổ thông đối với các trạm khí tượng bề mặt, thủy văn và hải văn cụ thể như sau:

- Trạm KTTV cơ bản: là trạm có người, quan trắc đầy đủ các yếu tố, đảm bảo nghiêm ngặt các yêu cầu về hành lang an toàn kỹ thuật trạm, được tổ chức quan trắc và giám sát chặt chẽ; số liệu quan trắc của trạm cơ bản phải bảo đảm phản ánh được các đặc trưng KTTV của vùng, tiểu vùng, khu vực hoặc lưu vực và có thể sử dụng để kiểm soát, so sánh, đánh giá số liệu quan trắc của các trạm quan trắc tự động trong các khu vực tương đồng về KTTV. Ngoài ra, trạm cơ bản còn có chức năng quản lý, duy trì, kiểm soát hoạt động của các trạm phổ thông trong khu vực và thực hiện các chức năng khác của ngành KTTV tại địa phương.

- Trạm KTTV phổ thông: là các trạm quan trắc tự động hoặc định hướng là trạm quan trắc tự động (chỉ bố trí người quan trắc khi trạm chưa được tự động hóa hoàn toàn hoặc do yêu cầu đặc biệt); trạm có thể quan trắc một hoặc nhiều yếu tố và có số lượng trạm chiếm hầu hết trên mạng lưới trạm quốc gia; có vai trò là trạm vệ tinh của trạm cơ bản trong khu vực, có điều kiện KTTV tương đồng.

2.2. Định hướng chỉ tiêu tự động hóa trạm Phổ thông, Cơ bản và trạm Chuyên đề khác trong QH mạng lưới quan trắc KTTV quốc gia

- Tất cả các trạm được QH là trạm Phổ thông nhưng chưa hình thành trạm, hoặc đã hình thành trạm nhưng không có người quan trắc sẽ được định hướng QH là trạm quan trắc tự động trong cả ba giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 và tầm nhìn 2050.

- Đối với các trạm được QH là trạm phổ thông nhưng đã hình thành trạm, đang có người quan trắc sẽ QH tự động hóa các trạm theo chỉ tiêu:

+ Giai đoạn 2021-2025 tự động hóa 20% số trạm phổ thông;

+ Giai đoạn 2026-2030 tự động hóa 30% số trạm phổ thông;

+ Tầm nhìn đến năm 2050 mạng lưới KTTV quốc gia sẽ tự động hóa 100% số trạm KTTV trên mạng lưới bao gồm các trạm Cơ bản, Phổ thông và các trạm chuyên đề.

3. Về đề xuất chỉ tiêu mật độ trạm trong QH

3.1. Chỉ tiêu mật độ đối với các trạm KTTV cơ bản

- Đối với trạm khí tượng bề mặt cơ bản: nguyên tắc chung là mỗi tỉnh QH 01 trạm khí tượng cơ bản. Đối với các tỉnh lớn, có điều kiện khí hậu và địa hình phức tạp cần bố trí nhiều trạm hơn để đủ khả năng kiểm soát các trạm phổ thông trên địa bàn; ngược lại, đối với các tỉnh có diện tích nhỏ, điều kiện khí hậu có tính tương đồng cao trên phạm vi tỉnh và tỉnh liền kề thì có thể nghiên cứu QH trạm khí tượng cơ bản ghép với tỉnh liền kề.

- Đối với trạm thủy văn cơ bản: việc lựa chọn trạm thủy văn cơ bản được tiến hành theo từng lưu vực sông. Tùy theo độ lớn lưu vực, điều kiện địa hình, địa mạo, sự phân bố các chi lưu; nhu cầu dự báo, cảnh báo, yêu cầu về điều tiết liên hồ, tình hình quản lý, khai thác và QH khai thác trên dòng chính và các dòng nhánh... cần có luận chứng cụ thể cho việc lựa chọn số lượng và vị trí các trạm thủy văn cơ bản trên mỗi lưu vực sông, đảm bảo số trạm cơ bản trên mỗi lưu vực sông là ít nhất.

- Đối với trạm hải văn cơ bản: lựa chọn các trạm hải văn cơ bản trong số các trạm hải văn hiện có hoặc đề xuất QH bổ sung nếu cần thiết, đảm bảo số liệu quan trắc của trạm cơ bản là cơ sở để so sánh, đánh giá, kiểm soát chất lượng số liệu quan trắc của các trạm phổ thông đồng thời đảm bảo số lượng trạm hải văn cơ bản là ít nhất có thể.

3.2. Chỉ tiêu mật độ đối với các trạm KTTV phổ thông

- Đối với các trạm khí tượng bề mặt, hải văn phổ thông: việc lựa chọn chỉ tiêu mật độ trạm và số lượng yếu tố quan trắc của mỗi trạm theo nguyên tắc: mật độ trạm trong các giai đoạn QH ngang bằng với các nước được lựa chọn để so sánh tại khu vực Đông Nam Á, Châu Á và thế giới theo nhiệm vụ QH đã được Thủ tướng phê duyệt. Đồng thời, các chỉ tiêu mật độ trong QH đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về mật độ trạm trong Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về mật độ trạm KTTV quốc gia (Tổng cục đang trình thẩm định và yêu cầu dự báo ở những khu vực cần ưu tiên).

- Đối với trạm thủy văn phổ thông: trên cơ sở vị trí, số lượng trạm cơ bản trên lưu vực đã được xác định, tiến hành luận chứng xác định chỉ tiêu số lượng/mật độ trạm phổ thông cần thiết, đáp ứng được các yêu cầu phục vụ dự báo, cảnh báo, phát triển kinh tế-xã hội qua từng giai đoạn QH, đồng thời đảm bảo phù hợp với các tiêu chí về mật độ trạm trong Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về mật độ trạm KTTV quốc gia.

3.3. Chỉ tiêu mật độ đối với các trạm khí tượng trên cao, rada, mưa và các trạm chuyên đề khác

Tiến hành xác định theo chỉ tiêu mật độ đã được xác định trong các giai đoạn QH như đối với các trạm khí tượng phổ thông và phù hợp với Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về mật độ trạm KTTV quốc gia.

3.4. Nguyên tắc ưu tiên vùng thiên tai nguy hiểm, vùng trồng số liệu

Đối với những khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai nguy hiểm như bão, sạt lở đất, vùng trồng số liệu... cần rà soát, đánh giá ưu tiên QH tăng dày mật độ và ưu tiên đầu tư ngay từ giai đoạn QH 2021-2030.

4. Về nguyên tắc lồng ghép các trạm quan trắc TNMT với trạm KTTV

- Tiếp tục QH lồng ghép các trạm Tài nguyên nước, Môi trường, Địa động lực... hiện đang lồng ghép trên mạng lưới trạm quan trắc KTTV;

- Tiếp tục trao đổi với các đơn vị quản lý các lĩnh vực TNMT về nhu cầu lồng ghép các trạm quan trắc TNMT với mạng lưới trạm KTTV để có cơ sở đưa vào lồng ghép trong QH. Nếu các vị trí các trạm KTTV QH gần với các trạm Tài nguyên nước, Môi trường ..., thì sẽ lồng ghép trạm quan trắc KTTV và các trạm này và ngược lại.

5. Về nguyên tắc kế thừa QH 90

- Rà soát tổng thể QH 90, loại bỏ các trạm không còn phù hợp, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trạm; trạm bị tác động của tự nhiên, của quá trình phát triển kinh tế-xã hội, đô thị hóa dẫn tới số liệu quan trắc tại trạm không còn nhiều giá trị sử dụng; trạm nằm trong phạm vi QH hoặc bị tác động mạnh bởi QH các dự án quan trọng của địa phương, bộ, ngành trong các giai đoạn QH.

- Phân loại trạm KTTV theo yêu cầu nhiệm vụ mới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời điều chỉnh tăng, giảm hợp lý các trạm, các yếu tố quan trắc đảm bảo mật độ trạm đáp ứng được các chỉ tiêu kỹ thuật, phù hợp với định hướng về chỉ tiêu mật độ trạm đã được xác định tại Quyết định phê duyệt nhiệm vụ QH của Thủ tướng Chính phủ và điều kiện tình hình thực tế trong các giai đoạn QH.

- Tổ chức khảo sát điều kiện kỹ thuật lắp đặt trạm, điều kiện bố trí đất đai, xác định tọa độ, cao độ đối với các trạm KTTV chiếm dụng đất nhiều như các loại trạm khí tượng, thủy văn, hải văn cơ bản; trạm rada, khí tượng trên cao; trạm quan trắc có người ... Đối với các trạm KTTV tự động đơn giản, sử dụng đất ít như trạm đo mưa, trạm định vị sét ... tùy thuộc vào điều kiện kinh phí và điều kiện tình hình thực tế, có thể xác định điều kiện kỹ thuật đặt trạm, tọa độ, cao độ trên các loại bản đồ hoặc một số phương pháp phù hợp.

6. Về phương án sắp xếp nhân sự qua các thời kỳ QH

Trên cơ sở định hướng phân loại trạm KTTV và lộ trình tự động hóa mạng lưới trạm quan trắc KTTV quốc gia, tiến hành tính toán lộ trình phân bổ, điều chỉnh nhân lực, giải pháp đào tạo chuyển đổi nhân lực và định hướng hình thành các Trung tâm dịch vụ kỹ thuật... phù hợp với định hướng QH qua các giai đoạn.

Trên đây là ý kiến chỉ đạo và kết luận của Phó Tổng cục trưởng La Đức Dũng tại cuộc họp về định hướng QH mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công khẩn trương thực hiện, trong quá trình triển khai trường hợp cần thiết sẽ tiếp tục chi tiết hóa và nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện.

Tổng cục KTTV thông báo để các đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Lê Công Thành (để b/c) ;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Tổng cục (để t/hiện) ;
- Lưu: VT, VP(TH).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Trần Linh